

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1530 /SYT-NVY

Bắc Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2018

V/v xin ý kiến dự thảo Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại tỉnh Bắc Giang

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Khoa học và Công nghệ;
- Sở Tài chính;
- Các đơn vị trong ngành y tế;
- Các Phòng thuộc Sở Y tế.

Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và được sự hỗ trợ từ Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh xây dựng 03 cụm xử lý chất thải rắn y tế nguy hại và đang trong giai đoạn lắp đặt thiết bị và dự kiến cuối năm 2018 đi vào hoạt động chính thức.

Thực hiện chỉ đạo của Ban quản lý dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện để có thể vận hành được hệ thống xử lý chất thải rắn y tế theo mô hình cụm, Sở Y tế đã xây dựng dự thảo Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại tỉnh Bắc Giang

Để hoàn thiện Kế hoạch trình Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt, Sở Y tế xin ý kiến góp ý của Quý cơ quan và các đơn vị về bản dự thảo Kế hoạch nói trên. Ý kiến góp ý bằng văn bản gửi về Sở Y tế trước ngày 30/8/2018.

Trân trọng cảm ơn! Th

Nơi nhận:

- Lưu: VT-NVY.

Bản điện tử:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở (báo cáo).

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ
Y TẾ



Văn Sinh

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế
nguy hại tỉnh Bắc Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 170/QĐ- TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đến năm 2025;

Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ TNMT quy định về quản lý chất thải y tế.

Căn cứ Văn bản số 413/BQLDA-KH ngày 04/7/2017 của Ban Quản lý dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện – Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu Hướng dẫn triển khai xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số..... /TTr - SYT ngày tháng năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại tỉnh Bắc Giang (có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện theo nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Kho bạc nhà nước tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các cá nhân, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BQL DA Hỗ trợ xử lý CTBV – BYT (B/cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT, TH;
 - + Lưu VX, VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ánh Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

KẾ HOẠCH

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)*

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT TRONG KẾ HOẠCH

Bệnh viện đa khoa	BVĐK
Bệnh viện	BV
Bệnh viện đa khoa Khu vực	BV ĐKKV
Chất thải nguy hại	CTNH
Chất thải y tế nguy hại	CTYTNH
Chất thải rắn y tế:	CTRYT
Chất thải y tế	CTYT
Chống nhiễm khuẩn	CNK
Phòng khám đa khoa khu vực	PKĐKKV
Trạm y tế	TYT
Trung tâm y tế	TTYT
Y tế dự phòng	YTDP
Quy chuẩn Việt Nam	QCVN
Bảo hiểm xã hội	BHXH
Bảo hiểm y tế	BHYT
Bảo hiểm thất nghiệp	BHTN

I. TỔNG QUAN VỀ CÁC CƠ SỞ Y TẾ, CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Tổng quan về các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh

* Các đơn vị tuyến tỉnh:

- Hệ thống điều trị gồm 09 bệnh viện đa khoa và chuyên khoa: BVĐK tỉnh Bắc Giang, BV Sản Nhi, BV ĐKKV Lục Ngạn, BV Y học cổ truyền, BV Phổi, BV Tâm thần, BV Phục hồi chức năng, BV Ung Bướu, BV Nội tiết.

- Hệ thống y tế dự phòng: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Trung Kiểm soát bệnh tật tỉnh; Trung tâm Kiểm nghiệm; Chi cục dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Trung tâm giám định y khoa, Trường Trung cấp Y tế Bắc Giang

* Các đơn vị tuyến huyện:

- Hệ thống điều trị: Có 08 BVĐK huyện (Sơn Động, Lục Nam, Lạng Giang, Yên Thế, Tân Yên, Hiệp Hoà, Việt Yên, Yên Dũng).

- Hệ thống dân số - kế hoạch hóa gia đình: Có 10 Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện/thành phố (mỗi huyện, thành phố có 1 trung tâm)

- Hệ thống dự phòng: Có 10 Trung tâm y tế huyện/thành phố.

* Đơn vị y tế xã: 230 trạm y tế xã, phường, thị trấn.

* Các đơn vị y tế tư nhân

Các cơ sở hành nghề y tư nhân gồm có 05 Bệnh viện tư nhân, 19 Phòng khám đa khoa, 240 Phòng khám chuyên khoa, 23 Cơ sở dịch vụ làm răng giả, 09 Cơ sở dịch vụ tiêm, thay băng, đo huyết áp.

2. Số lượng, loại chất thải y tế nguy hại phát sinh từ các cơ sở y tế

Theo khảo sát của Sở Y tế năm 2018, mỗi ngày các bệnh viện trong tỉnh phát sinh 617 kg chất thải rắn y tế nguy hại. Lượng chất thải y tế nguy hại của các bệnh viện trong tỉnh thay đổi từ 0,01 - 0,29 kg/giường bệnh/ngày tùy từng loại bệnh viện. Các bệnh viện có mức độ xả thải chất thải nguy hại nhiều nhất là Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện đa khoa Tân Yên. Khối lượng trung bình chất thải nguy hại trên giường bệnh trong ngày của các bệnh viện trong tỉnh ở mức 0,11kg/giường bệnh/ngày tương đương mức trung bình của cả nước (Phụ lục 01).

Khối lượng chất thải y tế phát sinh từ các nguồn thải nhỏ: mỗi cơ sở y tế dự phòng xả thải 0,5 đến 1kg CTNH/ngày, mỗi Trung tâm y tế huyện xả 0,5 -0,7 kg CTNH/ngày, mỗi phòng khám tư nhân xả ra 0.5kg/ngày và trạm y tế xã xả ra

0,1 kg/ngày thì tổng khối lượng CTNH phát sinh từ các cơ sở y tế trong tỉnh khoảng 673 kg/ngày.

Chất thải y tế nguy hại phát sinh từ các cơ sở y tế bao gồm:

+ Chất thải lây nhiễm (sắc nhọn, không sắc nhọn, lây nhiễm cao, mô bệnh phẩm);

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm gồm hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại; dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất; thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng; chất hàn răng amalgam thải bỏ và chất thải nguy hại khác theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3. Hiện trạng công tác quản lý và năng lực xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tại các cơ sở y tế, cơ sở xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang áp dụng hai phương thức xử lý chất thải y tế là: Xử lý tại chỗ bằng lò đốt chất thải rắn y tế nguy hại và thuê các đơn vị ngoài tỉnh có đủ năng lực và tư cách pháp nhân để vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 21 bệnh viện, bao gồm cả bệnh viện khối công lập và tư nhân, trong đó có 19 bệnh viện hiện đang thuê các đơn vị ngoài tỉnh vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại, chỉ có 02 bệnh viện có lò đốt CTYT đang hoạt động đặt trong khuôn viên của các bệnh viện là Bệnh viện đa khoa huyện Lục Nam và Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Động. Lò đốt Model CP15 đưa vào hoạt động năm 2008, sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO với công suất 25kg/mẻ, chi phí đốt chất thải y tế cao cộng với việc hàng quý phải thực hiện quan trắc tác động môi trường từ khí lò đốt do vậy rất tốn kém chi phí.

Đối với các trung tâm y tế tuyến huyện, thành phố hiện nay chưa có công trình xử lý CTRYT tại chỗ và cũng chưa thuê đơn vị nào xử lý; Các trạm y tế xã hiện tại chỉ có các lò đốt thủ công. Đối với các Phòng khám đa khoa tư nhân hiện nay đều ký hợp đồng thuê các đơn vị có chức năng xử lý chất thải y tế nguy hại để vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo quy định.

II. KẾ HOẠCH THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phê liệu;

Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ TNMT quy định về quản lý chất thải y tế.

2. Mục đích, yêu cầu

2.1. Mục đích

- Bảo đảm thu gom, vận chuyển và xử lý triệt để và hiệu quả CTYTNH phát sinh từ các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định pháp luật.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ nguồn thải (cơ sở y tế) trong công tác thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh;

- Bảo đảm ngăn ngừa hiệu quả nguy cơ phát sinh dịch bệnh từ công tác thu gom, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại không đúng cách trên địa bàn, góp phần đem lại môi trường sống trong lành cho cộng đồng.

2.2. Yêu cầu

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng các quy định của pháp luật về phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý CTYTNH trên địa bàn tỉnh;

- CTYTNH phát sinh từ các cơ sở y tế thực hiện triển khai xử lý theo mô hình cụm trên địa bàn tỉnh phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý bảo đảm theo đúng theo Kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các quy định của pháp luật về quản lý CTYTNH, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh;

- Phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải trong cụm phải đáp ứng theo yêu cầu quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế .

3. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến chất thải y tế lây nhiễm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch

số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Kế hoạch này không áp dụng để thu gom, vận chuyển và xử lý đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh từ các cơ sở y tế theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường; một số chất thải nguy hại khác phát sinh tại các cơ sở y tế sẽ do các cơ sở y tế quản lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Ngoài ra, Kế hoạch này không áp dụng để quản lý chất thải phát sinh từ hoạt động mai táng, hỏa táng và chất thải phóng xạ phát sinh từ hoạt động y tế. Việc quản lý chất thải phát sinh từ hoạt động mai táng, hỏa táng và chất thải phóng xạ phát sinh từ hoạt động y tế được thực hiện theo quy định về hướng dẫn vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng; quy định về quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế.

4. Kế hoạch xử lý chất thải y tế nguy hại theo cụm cơ sở y tế

4.1. Cụm xử lý số 1 (đặt tại Bệnh viện Phổi)

Công nghệ xử lý nghiền cắt trước sau đó hấp ẩm (thiết bị hợp khối) công suất 499,9kg/ngày đêm gồm 2 máy, máy 01 có công xuất 35-65kg/giờ, máy 02 có công xuất 25-35kg/giờ. Cụm 1 xử lý chất thải y tế nguy hại cho các đơn vị sau: BVĐK tỉnh Bắc Giang; BV Y học cổ truyền, BV Sản Nhi, BV Tâm thần, BV Phổi, BV PHCN, BVĐK huyện Yên Dũng, Bệnh viện Ung Bướu, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm y tế thành phố, Bệnh viện Nội tiết, Trung tâm Kiểm nghiệm, Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ, Trung tâm y tế huyện Yên Dũng, các bệnh viện, phòng khám đa khoa tư nhân và các Trạm y tế (Phụ lục 02).

4.2. Cụm xử lý số 2 (đặt tại BV ĐKKV Lục Ngạn)

Công nghệ xử lý nghiền cắt trước sau đó hấp ẩm (thiết bị hợp khối) công suất 149,55kg/ngày đêm gồm 01 máy công xuất 25-35kg/giờ sẽ xử lý chất thải y tế nguy hại cho các đơn vị sau: BV ĐKKV Lục Ngạn, BVĐK huyện Sơn Động, BVĐK huyện Lục Nam, Trung tâm y tế huyện Lục Ngạn, Trung tâm y tế huyện Sơn Động, Trung tâm y tế huyện Lục Nam, Phòng khám đa khoa tư nhân và các trạm y tế (Phụ lục 03)

4.3. Cụm xử lý số 3 (đặt tại BVĐK huyện Tân Yên):

Công nghệ xử lý nghiền cắt trước sau đó hấp ẩm (thiết bị hợp khối) công

suất 260,25kg/ngày đêm gồm 01 máy công xuất 35-65kg/giờ sẽ xử lý chất thải y tế nguy hại cho các đơn vị sau: BVĐK huyện Tân Yên, BV huyện Yên Thế, BVĐK huyện Lạng Giang, BVĐK huyện Hiệp Hòa, BVĐK huyện Việt Yên, Trung tâm y tế huyện Tân Yên, Trung tâm y tế huyện Yên Thế, Trung tâm y tế huyện Lạng Giang, Trung tâm y tế huyện Hiệp Hòa, Trung tâm y tế huyện Việt Yên, các bệnh viện, phòng khám đa khoa tư nhân và các trạm y tế trên địa bàn (Phụ lục 04).

5. Kế hoạch thực hiện và phương thức thu gom, vận chuyển CTYT trong cụm cơ sở y tế

5.1 Yêu cầu phân loại đối với các cơ sở y tế trước khi vận chuyển chất thải về cụm để xử lý tại BV xử lý CTYT trong cụm

Để tăng cường thu hồi chất thải tái chế có nguồn gốc từ nhựa sau khi khử khuẩn an toàn và tránh các rủi ro cho cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải y tế của cụm, hoạt động hướng dẫn phân loại chất thải y tế và quản lý, giám sát việc phân loại chất thải của cơ sở y tế xử lý cụm cho các cơ sở y tế trong cụm là hết sức cần thiết nhằm đảm bảo an toàn trong công tác vận chuyển, thu gom, xử lý chất thải y tế lây nhiễm trong cụm cũng như hiệu quả xử lý trong mô hình cụm. Cụ thể, các chất thải y tế lây nhiễm tại các cơ sở y tế nên được phân loại thành các nhóm sau đây:

- Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: được phân loại vào các dụng cụ kháng thủng, màu vàng;

- Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: được phân loại riêng thành 02 loại sau:

+ Chất thải lây nhiễm làm từ nhựa;

+ Chất thải lây nhiễm không phải là nhựa.

- Chất thải giải phẫu: Phân loại vào 02 túi màu vàng.

Việc phân loại này sẽ giúp cho cơ sở xử lý chất thải y tế trong cụm tăng cường thu hồi lượng chất thải tái chế có nguồn gốc là nhựa sau khi đã khử khuẩn an toàn. Đồng thời cũng giảm thiểu các rủi ro gây hỏng thiết bị xử lý trong quá trình xử lý chất thải khi để lẫn các loại chất thải sắc nhọn là kim loại với chất thải lây nhiễm không sắc nhọn.

5.2 Việc vận chuyển chất thải y tế lây nhiễm từ các cơ sở y tế trong cụm đến cơ sở xử lý

a) Trách nhiệm vận chuyển:

- Đơn vị có trách nhiệm xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm cho các cơ sở y tế trong cụm sẽ thực hiện đi thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại của các cơ sở y tế trong phạm vi Cụm về cơ sở của mình để xử lý.

- Đối với các trạm y tế xã, phường, thị trấn có trách nhiệm vận chuyển chất thải rắn y tế lây nhiễm bằng phương tiện khác như xe mô tô, xe gắn máy đến tập kết tại Trung tâm Y tế huyện, thành phố sau đó xe vận chuyển rác thải của Cụm sẽ đến thu gom về cơ sở xử lý, nhưng phải đáp ứng các điều kiện theo quy định.

b) Phương tiện vận chuyển:

- Phương tiện vận chuyển đáp ứng các yêu cầu nêu tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Loại phương tiện vận chuyển tại các Cụm:

Xe vận chuyển chất thải nguy hại đã được trang bị tại các cụm như sau:
Ký hiệu xe: TOWNER950A-CS/TK (Việt Nam) sản xuất năm 2016.

+ Cụm 1: Xe tải thùng lắp cố định, tải trọng 615kg, biển số: 98A-007.65

+ Cụm 2: Xe tải thùng lắp cố định, tải trọng 615kg, biển số: 98A-009.98

+ Cụm 3: Xe tải thùng lắp cố định, tải trọng 615kg, biển số: 98A-008.46

- Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế nguy hại trên phương tiện vận chuyển phải đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Có thành, đáy, nắp kín, kết cấu cứng, chịu được va chạm, không bị rách vỡ bởi trọng lượng chất thải, bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển;

+ Có biểu tượng về loại chất thải lưu chứa theo quy định với kích thước phù hợp, được in rõ ràng, dễ đọc, không phai màu trên thiết bị lưu chứa chất thải;

+ Được lắp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển và bảo đảm không bị rơi, đổ trong quá trình vận chuyển chất thải.

- Chất thải lây nhiễm trước khi vận chuyển phải được đóng gói trong các thùng, hộp hoặc túi kín, bảo đảm không bị bục, vỡ hoặc phát tán chất thải trên đường vận chuyển.

- Trong quá trình vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ cơ sở y tế về cơ sở xử lý cho cụm, trường hợp xảy ra tràn đổ, cháy, nổ chất thải y tế hoặc các sự cố khác phải thực hiện ngay các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố môi trường

theo quy định của pháp luật.

5.3 Tần suất thu gom, lưu giữ

- Đối với chất thải lây nhiễm phát sinh tại cơ sở y tế, thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm tại cơ sở y tế không quá 02 ngày trong điều kiện bình thường. Trường hợp lưu giữ chất thải lây nhiễm trong thiết bị bảo quản lạnh dưới 8°C, thời gian lưu giữ tối đa là 07 ngày. Đối với cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg/ngày, thời gian lưu giữ không quá 03 ngày trong điều kiện bình thường và phải được lưu giữ trong các bao bì được buộc kín hoặc thiết bị lưu chứa được đậy nắp kín. Đối với các cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg/ngày, tần suất thu gom chất thải lây nhiễm sắc nhọn từ nơi phát sinh về khu lưu giữ tạm thời trong khuôn viên cơ sở y tế hoặc đưa đi xử lý, tiêu hủy tối thiểu là 01 (một) lần/tháng.

- Chất thải lây nhiễm từ các cơ sở y tế về cụm xử lý phải ưu tiên xử lý trong ngày. Trường hợp chưa xử lý ngay trong ngày, phải lưu giữ ở nhiệt độ dưới 20°C và lưu giữ tối đa không quá 02 ngày.

- Cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại cho cụm cơ sở y tế và bệnh viện phải có khu vực lưu giữ chất thải y tế nguy hại đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Mục A Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Cơ chế giá xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm

Chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTYTNH bao gồm các khoản sau:

- Chi phí tiêu thụ nhiên liệu và khấu hao phương tiện: Căn cứ loại phương tiện thu gom để tính định mức nhiên liệu và khấu hao cho hoạt động thu gom;

- Chi phí tiền lương, các khoản BHXH, BHYT, BHTN và khám sức khỏe định kỳ của cán bộ thu gom, vận chuyển: Căn cứ mức lương của cán bộ và theo các quy định hiện hành về chế độ tiền lương, tiền công, phụ cấp các loại;

- Chi phí bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại cho cán bộ thu gom;

- Chi phí đầu tư các dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố trong quá trình thu gom, vận chuyển

- Chi phí quản lý, hành chính, thuế....

Giá thu cụ thể cho từng cụm: do các bệnh viện thực hiện xử lý theo cụm xây dựng, xin ý kiến các cơ sở y tế trong cụm và cơ quan có thẩm quyền trước

khi thực hiện.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện quản lý CTYT theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT đối với các hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải trong cụm.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thanh tra, kiểm tra công tác BVMT của các cơ sở y tế trong cụm theo quy định về quản lý chất thải y tế nguy hại tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT và Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT;

- Kịp thời thông tin cho Sở Tài nguyên và Môi trường về thay đổi trong thu gom, vận chuyển và lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh để điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Tổng hợp thông tin, báo cáo và đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp Sở Y tế, các ngành liên quan để giám sát công tác thu gom và sử dụng phương tiện thu gom, vận chuyển CTYTNH theo mô hình cụm theo đúng tuyến và phạm vi thu gom, vận chuyển đã được phê duyệt trong Kế hoạch;

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý CTYTNH theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tiến hành thanh tra, kiểm tra tình hình tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường của các cơ sở xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan trong việc điều chỉnh, bổ sung nội dung cho Kế hoạch khi có sự thay đổi các quy định pháp luật hoặc những yêu cầu phát sinh từ thực tiễn trong công tác quản lý CTYTNH trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn Công ty Môi trường đô thị tỉnh thực hiện trách nhiệm trong việc thu gom, vận chuyển chất thải y tế lây nhiễm sau khi đã xử lý đạt QCVN 55:2013/BTNMT đi xử lý tại bãi rác theo đơn giá chất thải thông thường của tỉnh.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn xây dựng đơn giá xử lý CTYTNH đối với các cơ sở y tế xử lý theo cụm hoặc cơ chế tự thỏa thuận giá giữa cơ sở xử lý chất thải trong cụm và cơ sở thuê xử lý chất thải trong cụm.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý CTYT, các quy định pháp luật về BVMT cho các cơ sở y tế và đối tượng liên quan trên địa bàn.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác quản lý CTYTNH tại các cơ sở y tế trên địa bàn và việc thực hiện vận chuyển CTYTNH từ các cơ sở y tế về cụm để xử lý.

5. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở y tế

a) Thực hiện quản lý chất thải nguy hại không lây nhiễm (có tên tại khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường) và một số chất thải nguy hại khác phát sinh tại các cơ sở theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Phân công 01 lãnh đạo phụ trách về công tác quản lý chất thải y tế và 01 khoa, phòng hoặc cán bộ chuyên trách về công tác quản lý chất thải y tế của cơ sở.

c) Lập và ghi đầy đủ thông tin vào Sổ bàn giao chất thải y tế nguy hại theo quy định tại Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường (trừ trường hợp cơ sở y tế tự thực hiện xử lý chất thải y tế).

d) Cơ sở xử lý chất thải theo mô hình cụm phải sử dụng Sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại (thay thế chứng từ chất thải y tế nguy hại) theo mẫu hướng dẫn

tại Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường khi thực hiện chuyển giao chất thải y tế nguy hại.

đ) Bố trí đủ kinh phí, nhân lực hoặc ký hợp đồng với đơn vị bên ngoài đủ điều kiện để thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế.

e) Tổ chức thông tin, phổ biến pháp luật về việc quản lý chất thải y tế cho tất cả cán bộ, viên chức, hợp đồng và các đối tượng liên quan.

g) Hàng năm, tổ chức đào tạo về quản lý chất thải y tế cho công chức, viên chức, người lao động của đơn vị và các đối tượng có liên quan.

h) Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế theo quy định tại Điều 16 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở y tế thực hiện xử lý CTYTNH cho cụm cơ sở y tế

a) Thực hiện các quy định tại Điều 23 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Triển khai thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại theo nội dung Kế hoạch này.

c) Bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật về phương tiện vận chuyển và thiết bị lưu chứa chất thải y tế nguy hại trên phương tiện vận chuyển theo quy định tại Điều 11 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường khi thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải y tế từ các cơ sở y tế trong cụm về xử lý./.

Phụ lục 01

Khối lượng chất thải y tế phát sinh tại các bệnh viện

	Khối BV tỉnh:	Giường bệnh thực kê	Mức độ xả thải (kg/GB/ngày)	Khối lượng CTYTNH (kg/ngày)
1	BVĐK tỉnh	990	0,29	285
2	BVĐKKV Lục Ngạn	435	0,07	30
3	BV Sản Nhi	506	0,16	80
4	BV Tâm Thần	150	0,01	1
5	BV Y học cổ truyền	149	0,03	5
6	BV Phổi	332	0,03	11
7	BV Phục hồi chức năng	240	0,02	5
8	BV Ung Bướu	167	0,12	20
9	BV Nội Tiết	100	0,05	5
	Khối BV huyện:			
1	BVĐK huyện Sơn Động	205	0,03	6
2	BVĐK huyện Lục Nam	318	0,02	6
3	BVĐK huyện Lạng Giang	220	0,11	24
4	BVĐK huyện Yên Thế	250	0,08	21
5	BVĐK huyện Tân Yên	413	0,12	50
6	BVĐK huyện Hiệp Hòa	300	0,04	12
7	BVĐK huyện Việt Yên	250	0,05	13
8	BVĐK huyện Yên Dũng	280	0,08	21
	BV Tư nhân			
1	BV sông thương	103	0,11	11
2	BV Quốc tế Hà Nội - Bắc Giang	31	0,03	1
3	BV Lan Q	31	0,05	1,5
4	BV Sơn Uyên	140	0,06	9
	Tổng	5610	0,11	617,5

Phụ lục 02**Cụm xử lý số 1****Địa điểm đặt hệ thống xử lý rác thải: BV Phổi**

TT	Các đơn vị thuê xử lý chất thải trong cụm	Số lượng chất thải lây nhiễm phát sinh/ngày (kg)	Ghi chú
1	BVĐK tỉnh Bắc Giang	285	
2	BV Y học cổ truyền	5	
3	BV Sản Nhi	80	
4	BV Tâm Thần	1	
5	BV Phổi	12	
6	BV Phục hồi chức năng	5	
7	Bệnh viện Ung Bướu	20	
8	Bệnh viện Nội Tiết	5	
9	BVĐK huyện Yên Dũng	21	
10	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	1,5	
11	TTYT thành phố	2,5	
12	TT Kiểm nghiệm	1	
13	TTYT huyện Yên Dũng	0,5	
14	Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ	0,5	
15	37 trạm y tế (16 trạm TP + 21 trạm Yên Dũng)	3,7	
16	Bệnh viện đa khoa Sông Thương	11	
17	Bệnh Viện đa khoa Quốc tế Hà Nội-Bắc Giang	1	
18	Bệnh viện YHCT LanQ	1,5	
19	PKĐK Tân Dân	0,7	
20	PKĐK Bảo Minh	0,6	
21	PKĐK Sông Thương	0,5	
22	PKĐK Hợp Nhất	0,5	
23	PKĐK Giao thông vận tải	2	
24	PKĐK chất lượng cao Tân Mỹ	0,5	
	Tổng cộng:	462	

Phụ lục 03**Cụm xử lý số 2****Địa điểm đặt hệ thống xử lý rác thải: BVĐKKV Lục Ngạn**

TT	Các đơn vị thuê xử lý chất thải trong cụm	Số lượng chất thải lây nhiễm phát sinh/ngày (kg)	Ghi chú
1	BV ĐKKV Lục Ngạn	30	
2	BVĐK huyện Sơn Động	6	
3	BVĐK huyện Lục Nam	6	
4	TTYT huyện Lục Ngạn	0,5	
5	TTYT huyện Sơn Động	0,5	
6	TTYT huyện Lục Nam	0,5	
7	80 Trạm Y tế	16	
8	Phòng khám đa khoa Bắc Thăng Long	0,6	
9	Phòng khám đa khoa Thanh Xuân	0,5	
Tổng cộng:		60,6	

Phụ lục 04**Cụm xử lý số 3****Địa điểm đặt hệ thống xử lý rác thải: BVĐK huyện Tân Yên**

TT	Các đơn vị thuê xử lý chất thải trong cụm	Số lượng chất thải lây nhiễm phát sinh/ngày (kg)	Ghi chú
1	BVĐK huyện Tân Yên	50	
2	BVĐK huyện Yên Thế	21	
3	BVĐK huyện Lạng Giang	24	
4	BVĐK huyện Hiệp Hòa	12	
5	BVĐK huyện Việt Yên	13	
6	TTYT huyện Tân Yên	0,8	
7	TTYT huyện Yên Thế	0,7	
8	TTYT huyện Lạng Giang	1,8	
9	TTYT huyện Hiệp Hòa	0,3	
10	TTYT huyện Việt Yên	0,5	
11	113 Trạm y tế	11,3	
12	PKĐK Anh Quát	1	
13	PKĐK Ngọc Thiện	0,5	
14	PKĐK Bố Hạ	2,6	
15	PKĐK Y Cao Hà Nội	0,5	
16	PKĐK GTVT cơ sở 2	0,5	
17	BVĐK Sơn Uyên	9	
18	PKĐK 108 Hùng Cường	0,7	
19	PKĐK Bích Động	0,5	
	Tổng	150,7	